

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: /KH-STP

Điện Biên, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tư pháp năm 2026

Thực hiện Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 25/01/2026 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2026 của tỉnh Điện Biên. Sở Tư pháp xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực tư pháp năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp đang áp dụng trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các TTHC, quy định TTHC không còn phù hợp, không cần thiết, gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân.

- Góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2025–2026 theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ; đẩy mạnh đơn giản hóa TTHC trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu số, cơ sở dữ liệu dùng chung; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trong lĩnh vực tư pháp; bảo đảm công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ nội dung công việc, trách nhiệm của UBND các xã, phường, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình rà soát, đánh giá TTHC; bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thống nhất và đúng tiến độ theo Kế hoạch đề ra.

- Việc rà soát, đánh giá TTHC phải gắn với yêu cầu cắt giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian giải quyết, đơn giản hóa thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước; bảo đảm phù hợp với lộ trình chuyển đổi số.

- Nội dung và kết quả rà soát, đánh giá phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ tại các Nghị quyết của Chính phủ; bảo đảm tính đồng bộ giữa cải cách TTHC với xây dựng chính quyền số; kết quả rà soát phải cụ thể, có thể định lượng được

mức cắt giảm về thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện, thời gian và chi phí tuân thủ, đồng thời bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Nội dung rà soát, đánh giá TTHC

Nội dung rà soát, đánh giá TTHC được thực hiện theo danh mục *tại Phụ lục rà soát, đánh giá TTHC lĩnh vực tư pháp năm 2026 kèm theo*.

Trong quá trình rà soát, đánh giá TTHC, UBND các xã, phường, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện lồng ghép việc rà soát các nội dung có liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở dữ liệu theo các chương trình, kế hoạch riêng đã được cấp có thẩm quyền ban hành, không làm thay đổi phạm vi, danh mục TTHC rà soát tại Phụ lục kèm theo.

2. Hình thức rà soát, đánh giá TTHC

Căn cứ vào nội dung rà soát, đánh giá TTHC, UBND các xã, phường, các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở tiến hành rà soát, đánh giá từng TTHC theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC; bảo đảm việc rà soát, đánh giá gắn với yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và đổi mới phương thức giải quyết TTHC theo định hướng chung của Chính phủ và của tỉnh.

3. Thời gian thực hiện rà soát, đánh giá TTHC

Thời gian thực hiện rà soát, đánh giá TTHC: từ ngày 01/3/2026 đến ngày 31/7/2026, áp dụng chung đối với tất cả các thủ tục trong Danh mục tại Phụ lục kèm theo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 335/2014/NQ-HĐND ngày 04/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Điện Biên và quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị UBND các xã, phường triển khai thực hiện rà soát, đánh giá TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết tại cấp xã. Gửi báo cáo kết quả rà soát, đánh giá và biểu mẫu rà soát, đánh giá TTHC theo lĩnh vực về Sở Tư pháp **trước ngày 10/8/2026** để tổng hợp.

2. Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc thực hiện Kế hoạch đảm bảo tiến độ, yêu cầu. Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC thực hiện tại Sở và tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá

TTHC của cấp xã lĩnh vực phòng phụ trách tại Mục II về Văn phòng Sở **trước ngày 12/8/2026** để tổng hợp.

3. Trong quá trình thực hiện TTHC thuộc lĩnh vực tư pháp, nếu phát hiện TTHC, quy định TTHC có vướng mắc, bất cập, gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân mà chưa có trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 thì tiếp tục tổng hợp các TTHC cần rà soát, đánh giá gửi Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn UBND các xã, phường và các phòng, đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp xây dựng Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 gửi Văn phòng UBND tỉnh **trước ngày 15/8/2026**. Trên cơ sở đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh, tham mưu dự thảo Quyết định thông qua Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC đối với từng lĩnh vực tư pháp theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt **trước ngày 05/9/2026**.

Trên đây là Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 của Sở Tư pháp Đề nghị UBND các xã, phường và các phòng, đơn vị thuộc Sở tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Hưng

Phụ lục
RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-STP ngày tháng 01 năm 2026 của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện rà soát		Văn bản QPPL quy định nội dung rà soát, đánh giá	Nội dung rà soát, đánh giá
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	2.000894.00 0.00.00.H18	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh	Khoản 4 Điều 10 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13.	Thời hạn giải quyết
2	1.004837.00 0.00.00.H18	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.	Thời hạn giải quyết
3	1.001022.00 0.00.00.H18	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.	Thời hạn giải quyết
4	1.001193.00 0.00.00.H18	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.	Thành phần hồ sơ
5	1.000689.00 0.00.00.H18	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha,	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng	Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định	Thời hạn giải quyết

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện rà soát		Văn bản QPPL quy định nội dung rà soát, đánh giá	Nội dung rà soát, đánh giá
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
		mẹ, con			UBND tỉnh	chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025.	
6	1.004884.00 0.00.00.H18	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	- Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp; Điều 4 Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thành phần hồ sơ; lệ phí
7	1.004873.00 0.00.00.H18	Cấp xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Khoản 6 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch	Thành phần hồ sơ
8	1.000894.00 0.00.00.H18	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Khoản 3 Điều 18, Điều 30 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	Thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết
9	1.004746.00 0.00.00.H18	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ	Thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện rà soát		Văn bản QPPL quy định nội dung rà soát, đánh giá	Nội dung rà soát, đánh giá
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
						tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.	
10	1.004859.00 0.00.00.H18	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	- Điều 28 và khoản 1 Điều 47 Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP	Thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết
11	2.000635.00 0.00.00.H18	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Điều 4 Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Thành phần hồ sơ; phí, lệ phí
12	1.004772.00 0.00.00.H18	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	- Khoản 1 Điều 15 Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Khoản 3 điều 8 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.	Thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết
13	1.004837.00 0.00.00.H18	Đăng ký giám hộ	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Khoản 1 Điều 20 Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13.	Thành phần hồ sơ
14	2.000806.00 0.00.00.H18	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số	Thành phần hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện rà soát		Văn bản QPPL quy định nội dung rà soát, đánh giá	Nội dung rà soát, đánh giá
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
						điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	
15	2.001263.00 0.00.00.H18	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.	Thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết; phí, lệ phí
16	2.000927.00 0.00.00.H18	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Chứng thực	UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP).	Thành phần hồ sơ

